

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được
2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trí là Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Quanh N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, Phường H, tỉnh Cà Mau) xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Dư Văn P là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh B xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lưu Thị Quanh N bày: Vào năm 2012 sau một thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tôi và anh Nguyễn Văn Á xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phường H, tỉnh Cà Mau) vào ngày 07/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi xoay quanh cuộc sống hằng ngày. Từ năm 2019 vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, khoảng thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không tạo điều kiện để hàn gắn lại với nhau, bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị Quanh N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Á.

- *Về con chung:* Tên Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 28/10/2011 hiện do chị Q Nát chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Quanh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:* Không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Á, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Á không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh Nguyễn Văn Á vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Dur Văn P trình bày: Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Quanh N và anh Nguyễn Văn Á tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 07/05/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 06 năm gần đây cả hai bắt đầu có mâu thuẫn trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, không khả năng hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, từ khi sống ly thân thì cả hai cũng không tạo điều kiện để hàn gắn lại với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm của chị Quanh N và anh Á đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Lưu Thị Quanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Á.

Về con chung: Anh Á và chị Q Nát có một (01) con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 28/10/2011. Hiện tại cháu Quỳnh N1 đang sống cùng với chị Lưu Thị Quanh N; Từ khi chị Quanh N và anh Á không sống chung với nhau thì chị Quanh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1, mặt khác biên bản ghi lời khai của cháu N1 thì cháu có mong muốn được tiếp tục sống

chung với chị Quanh N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q Nát được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, đồng thời chị Quanh N không yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quanh N khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Lưu Thị Quanh N và anh Nguyễn Văn A chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Q Nát được ly hôn với anh Nguyễn Văn A. Về con chung: Từ khi sống ly thân cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1 sống chung với chị Quanh N và được chị chăm sóc chu đáo phát triển toàn diện về mọi mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị C được quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung chị Quanh N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Lưu Thị Quanh N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Lưu Thị Quanh N làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn A, chị xin được quyền nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn A là bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh Nguyễn Văn A vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn A.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Quanh N và anh Nguyễn Văn A tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phường H, tỉnh Cà Mau), vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị Quanh N thì chị và anh A qua một thời gian tìm hiểu nên anh, chị tiến đến hôn nhân và kết hôn vào tháng 5/2012 cho đến năm 2019 vợ chồng sống ly thân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn A. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lời trình bày của chị Quanh N cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn A để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng để tìm giải pháp cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ lại với nhau nhưng anh A đều vắng mặt. Chứng tỏ anh A không có ý chí muốn đoàn tụ với chị Quanh N. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân thì chị Quanh N và anh A không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Quanh N và anh A đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Quanh N xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Có một con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 28/10/2011 hiện do chị Quanh N đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy con chung của chị Quanh N và anh A từ khi vợ chồng sống ly thân chị Quanh N nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, mặt khác cháu N1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó việc giao con chung cho chị Q Nát trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu N1 có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị Q Nát được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lưu Thị Quanh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lưu Thị Quanh N không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lưu Thị Quanh N phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6]. Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147, 227; 228; 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 4, 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Quanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị Quanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Á.

- Về nuôi con chung: Chị Lưu Thị Quanh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 28/10/2011, khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị Quanh N không yêu cầu anh Nguyễn Văn Á cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị Quanh N không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lưu Thị Quanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Quanh N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011773, ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Chị Lưu Thị Quanh N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND Phường Hiệp Thành,
tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh